

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27-3-2024

V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hồ Đắc Minh;
- Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Khuyển – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Yên – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 466/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1980; HKTT: Lô A, khu dân cư T, tổ A, khu H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Huy C, sinh năm 1981; HKTT: Ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn ngày 05/10/2023, quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trưng trình bày:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà T1 và ông C có mối quan hệ là vợ chồng, chung sống với nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 17/4/2006. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc,

những năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, Hiện vợ chồng đã không còn sống chung từ tháng 10/2023. Thấy mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm nên bà T1 làm đơn xin được ly hôn với ông C.

- *Về con chung*: Có 03 con chung tên Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 15/6/2006, Nguyễn Lê H, sinh ngày 03/12/2007 và Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 23/12/2019. Bà Trung yêu cầu nuôi ba con chung và yêu cầu ông C cấp dưỡng mỗi tháng 6.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, bà T1 yêu cầu nuôi hai con chung Nguyễn Lê H, Nguyễn Ngọc H1 và yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Đối với cháu Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 15/6/2006 thì giao cho ông C nuôi dưỡng, bà T1 không cấp dưỡng nuôi con vì còn sắp đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ nguyên đơn bà T1 giao nộp: Bản chính đơn xin ly hôn, bản tự khai; bản chính giấy chứng nhận kết hôn; bản sao giấy khai sinh của con chung.

*** Tại phiên tòa, bị đơn ông C trình bày:**

Ông C thống nhất với bà T1 về quá trình sống chung, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 17/4/2006. Ông C không đồng ý ly hôn và mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để đợi con gái Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 15/6/2006 đi thi đại học xong thì mới quyết định có ly hôn hay không. Do ông C không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, ông C trình bày hiện nay ông thất nghiệp và ở nhà phụ ba mẹ ruột. Tuy nhiên mỗi tháng, vẫn đưa cho bà T1 3.000.000 - 5.000.000 đồng để chăm sóc con chung.

*** Ý kiến của cháu Nguyễn Ngọc T2**: Ba mẹ cháu thường xuyên cãi nhau, đánh nhau. Ba còn đe dọa, dùng vũ lực lên người mẹ. Khibà mẹ ly hôn, cháu muốn ở với ba C.

*** Ý kiến của cháu Nguyễn Lê H**: Ba mẹ ly hôn cháu muốn ở với mẹ T1.

*** Xác minh và làm việc của Tòa án:**

- Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành xác minh đối với mẹ ruột bị đơn, xác định: Quá trình chung sống, vợ chồng bà T1 và ông C có xảy ra mâu thuẫn, tính cách không hợp nhau. Hiện vợ chồng không còn sống chung.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:**

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực

hiện đầy đủ việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn có mặt. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn và nuôi con chung. Đề nghị, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn, nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Nguyên đơn bà T1 khởi kiện tranh chấp ly hôn và nuôi con chung đối với bị đơn ông C, ông C có hộ khẩu thường trú tại ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng và quan hệ pháp luật tranh chấp là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo đơn xin ly hôn và tại phiên tòa, bà T1 khởi kiện ly hôn với ông C; bà T1 yêu cầu nuôi hai con chung Nguyễn Lê H, sinh ngày 03/12/2007 và Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 23/12/2019 và yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Đối với cháu Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 15/6/2006 thì giao cho ông C nuôi dưỡng, bà T1 không cấp dưỡng nuôi con vì còn sắp đủ 18 tuổi. Ông C không đồng ý ly hôn.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T1:

[4.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà T1 và ông C có mối quan hệ là vợ chồng, chung sống với nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 17/4/2006. Hôn nhân giữa bà T1 và ông C đã thực hiện đúng thủ tục quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Trong thời gian chung sống, bà T1 và ông C có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do sống chung không hợp, không ai quan tâm, chăm sóc nhau, ông C còn dùng vũ lực với bà T1; hiện vợ chồng không còn sống chung từ tháng 10/2023 đến nay. Tại phiên tòa, ông C có mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, ông C cố tình vắng mặt, điều này thể hiện bị đơn không có thiện chí hòa giải để hàn gắn tình cảm. Thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T1 được ly hôn với ông C theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] *Về con chung:* Trong thời gian chung sống, bà T1 và ông C có 03 con chung tên Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 15/6/2006, Nguyễn Lê H, sinh ngày 03/12/2007 và Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 23/12/2019. Xét thấy, cháu H có nguyện vọng được sống cùng với mẹ, cháu T2 có nguyện vọng sống cùng ba nên Hội đồng xét xử giao cháu H cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng và cháu T2 cho ông C nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Đối

với cháu H1 thì đang ở với mẹ được chăm sóc đầy đủ về mọi mặt nên Hội đồng xét xử giao cháu cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4.3] *Về cấp dưỡng*: Bà Trung yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà T1 yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi hai con chung Nguyễn Lê H và Nguyễn Ngọc H1 mỗi tháng 3.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thì cha không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chưa thành niên. Ông C không trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu H1 và cháu H thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Căn cứ vào tình hình thực tế với mức sống trung bình tại địa phương, căn cứ vào công việc của ông C là làm nghề buôn bán (hiện nay là ở nhà phụ cha mẹ) thì mức cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với khả năng kinh tế của ông C nên được chấp nhận.

[4.4] *Về tài sản chung*: Bà Trung xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4.5] *Về nợ chung*: Bà Trung không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng về quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa cũng như nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Bà Trung tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 19, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 107 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con của bà Lê Thị Ngọc T đối với ông Nguyễn Huy C.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Lê Thị Ngọc T được ly hôn với ông Nguyễn Huy C.

1.2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con*:

- Bà Lê Thị Ngọc T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Nguyễn Lê H, sinh ngày 03/12/2007 và Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 23/12/2019 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. .

- Ông Nguyễn Huy C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc T2, sinh ngày 15/6/2006 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Huy C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con chung Nguyễn Lê H, sinh ngày 03/12/2007 và Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 23/12/2019 mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), mỗi con 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) cho đến khi hai con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Lê Thị Ngọc T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Huy C không thực hiện việc cấp dưỡng nêu trên, thì hàng tháng ông C còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Trung không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc T phải chịu toàn bộ số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: AA/2021/0009582 ngày 30/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

Nguyễn Tuấn Nam